

Bản án số 245/2021/HSPT
Ngày 27 tháng 5 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn, ông Phạm Tồn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phụng - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 261/2021/TLPT-HS ngày 12/4/2021 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HS-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1228/2021/QĐXXPT-HS ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

1. Bị cáo **Trần Thị Hồng T (Út)**, sinh ngày 12/12/1981 tại Tiên Giang; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị H (*đều đã chết*); có chồng Lê Anh D (*đã ly hôn*) và có 03 con (*con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2012*); Tiền án: Chưa; Tiền sự: Chưa. Nhân thân: ngày 08/01/2019 bị Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Bị bắt tạm giam ngày 03/01/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Trần Thị Hồng T** theo yêu cầu của Tòa án là Luật sư Bùi Xuân N - Văn phòng Luật sư TNHH MTV A thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. Bị cáo **Bùi Đức K**, sinh ngày 17/7/1985 tại Hải Phòng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đức C và bà Nguyễn Thị N (*đều còn sống*); có vợ Nguyễn Thị Thu H (*đã ly hôn*) và có 02 con (*con lớn sinh năm 2009 và con nhỏ sinh năm 2016*); Tiền sự: không. Tiền án: Ngày 28/8/2018 bị TAND thành phố V, tỉnh Nghệ An tại Bản án số 364/2018/HS-ST xử phạt 21 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/10/2019. Về nhân thân: Ngày 03/8/2004 bị TAND quận K, TP Hải Phòng tại Bản án số 34/2004/HSST xử phạt 27 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng cho hưởng án treo, đã chấp hành xong hình phạt

tù và các phần khác của Bản án nên đã được xóa án tích theo luật định. Bị bắt tạm giam ngày 12/6/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Đức K theo yêu cầu của Tòa án là Luật sư Lê Hữu P - Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

3. Bị cáo **Lê Trần Duy V**, sinh ngày 20/6/1989 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê T và bà Trần Thị T (*đều còn sống*); chưa có vợ con. Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 14/5/2014 bị TAND quận T, thành phố Đà Nẵng tại Bản án số 95/2014/HSPT xử phạt 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/8/2019. Về nhân thân: Hai lần bị bắt buộc đưa đi tập trung cai nghiện tại Trại 05 - 06 thành phố Đà Nẵng vào năm 2012 theo các Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 01/02/2012 và Quyết định số 4373/QĐ-UBND ngày 05/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng. Bản án hình sự phúc thẩm số 23/2020/HSPT ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt tù chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 17/02/2020, hiện đang bị giam, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Trần Duy V theo yêu cầu của Tòa án là Luật sư Nguyễn Tấn B - Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 14 giờ 10 ngày 03/01/2020 tại Ga xe lửa thành phố Đà Nẵng (địa chỉ thành phố Đà Nẵng) Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị Hồng T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tang vật thu giữ gồm:

- 01 lọ nhựa màu trắng cao 11 cm, đường kính 04cm bên trong chứa 288 viên nén màu hồng hình hộp chữ nhật, được niêm phong (*ký hiệu A*); 01 lọ nhựa cao 13cm, đường kính 04cm bên trong chứa chất bột màu xanh và 01 lọ nhựa cao 13cm, đường kính 04cm bên trong có một bao nylon màu trắng chứa chất bột màu hồng và 01 bao nylon màu trắng chứa chất bột màu xanh lẫn với màu hồng, được niêm phong (*ký hiệu B*).

- 10 thanh kim loại hình trụ tròn, có một đầu có các hình dạng khác nhau; 05 khuôn dập bằng kim loại hình trụ tròn có lỗ chính giữa với các hình dạng khác nhau; 01 thanh sắt dài 11 cm có hai đầu dẹp; 08 thanh kim loại có chiều dài khác nhau, một đầu đều có mũi giữa, mài; 02 đế dập bằng kim loại hình trụ tròn; 02 kim bằng kim loại dài 11cm; 01 túi sách màu đen; 01 valy màu đỏ; 01 điện thoại di động màu bạc, số Imel: 359311067751758; 01 điện thoại di động màu bạc, số Imel ghi tại vỏ điện thoại: 013619002550400; 01 điện thoại di động màu đen, số sêri: 352877100674329; 01 ĐTDĐ Vivo màu trắng, số Imel 1: 869039025809078, số Imel 2: 869039025809060; 01 Chứng minh nhân dân số 025398019 cấp cho Trần Thị Hồng T (*bản chính*).

Liên quan vụ án có đối tượng Bùi Đức K đi cùng T và cầm valy trong valy chứa ma túy và dụng cụ dập thuốc lắc. Qua thử test K dương tính với ma túy nên đã đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở xã hội V để tiếp tục điều tra làm rõ hành vi vi phạm.

Tại Kết luận giám định số 28/GĐ-MT ngày 10/01/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Các viên nén màu hồng trong mẫu (ký hiệu A) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, MDMA; khối lượng mẫu A là **103,89 gam**. Chất bột màu xanh trong mẫu (ký hiệu B1) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng mẫu B1 là **207,71 gam**. Chất bột màu xanh trộn lẫn với màu hồng trong (ký hiệu B2) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine, khối lượng mẫu B2 là **124,33 gam**. Chất bột màu hồng trong mẫu ký hiệu B3 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine, khối lượng mẫu B3 là **23,17 gam**.

Quá trình điều tra xác định vào năm 2015, T yêu một người tên T1 (không rõ nhân thân lai lịch) T1 đưa cho T một lượng bột ma túy và dụng cụ khuôn ép, dập ma túy thành viên thuốc lắc để cất giữ giúp, T đồng ý. Sau đó, T nghe bạn bè nói T1 đã bị Công an bắt (không rõ đơn vị bắt giữ và vào thời gian nào) về tội ma túy, nên không thấy T1 đến lấy, vì vậy T vẫn tiếp tục cất giữ số ma túy và dụng cụ dập ma túy. Ngày 27/12/2019, Bùi Đức K đến gặp T và hỏi có giữ số bột ma túy và dụng cụ dập ma túy của T1 không thì T trả lời có nên K đề nghị T đưa số bột ma túy và dụng cụ dập ma túy cho K để K dập thành viên thuốc lắc mang đi bán chia đôi tiền thì T đồng ý. Khi K dập thử 2 viên ma túy trước mặt T thì phát ra tiếng ồn, vì sợ bị phát hiện nên T nói K mang đi nơi khác dập viên ma túy nên K mang tất cả đi. Sau đó Lê Trần Duy V liên hệ với K hỏi mua ma túy thì K hẹn V vào thành phố Hồ Chí Minh gặp nhau trao đổi thì V đồng ý, việc này K có nói lại cho T biết.

Khoảng 03 giờ ngày 29/12/2019 V đi xe ô tô từ Đà Nẵng vào thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực phòng trọ của T để gặp K và T. Sau đó, K lái xe chở cả ba đến nhà một người bạn của K (không rõ địa chỉ), tại đây K lấy ra một gói ma túy thuốc lắc (loại viên thuốc lắc màu xanh) cho V và mọi người dùng thử với mục đích để V thử hàng trước khi mua. Tuy nhiên, sau khi sử dụng, V thấy chất lượng ma túy kém nên V nói muốn mua loại ma túy chất lượng hơn loại này thì K và T nói với V sẽ làm ra số ma túy chất lượng hơn để bán thì V đồng ý và hẹn khi nào có hàng thì T và K mang ra Đà Nẵng bán cho V. Ngoài ra, để có thuốc lắc chất lượng hơn T và K nhờ V mua giúp ma túy loại Ketamine nước hoặc Ketamine khô để làm nguyên liệu thì V đồng ý, sáng ngày 30/12/2019 V về lại Đà Nẵng.

Sau đó V thường xuyên nhắn tin và gọi điện cho T và K hỏi tiến độ sản xuất ma túy và hối thúc mang ma túy ra Đà Nẵng bán cho V, cụ thể:

+ Lúc 22 giờ 48 phút ngày 31/12/2019 vì nôn nóng nên V nhắn tin hỏi T về việc K và T đã làm ra được bao nhiêu viên thuốc lắc rồi, có kịp thời gian trong sáng ngày 01/01/2020 không, loại Ketamine nước mà T nhờ mua sẽ có trong 02 ngày nữa, nếu T và K làm chưa kịp thì ngày 01/01/2020 mang tạm số ma túy đã làm được ra Đà Nẵng, dặn T nhớ mang theo vật liệu làm Ketamine khô trước.

+ Đến 06 giờ 38 phút ngày 02/01/2020 T mới nhắn tin lại cho V nói: Giờ T mới đọc tin nhắn của V, T đợi K từ ngày hôm qua đến giờ mà không thấy K vì T đã giao toàn bộ số ma túy để K mang đi dập nhưng chưa làm xong. Sau đó, V hỏi T

bây giờ phải làm sao? T đã làm được bao nhiêu thuốc lắc rồi? T làm trong thành phố Hồ Chí Minh hay mang ra Đà Nẵng làm để V biết sắp xếp.

+ Lúc 14 giờ 29 phút ngày 02/01/2020, T nói với V là đợi K hoài không thấy về, lúc nhắn tin với V làm T ngủ quên, hiện T đã có một ít thuốc lắc đã làm xong và sẽ mang theo bột (nhân) để K tiếp tục làm thêm thuốc lắc tại Đà Nẵng. T hỏi V có muốn T ra Đà Nẵng gặp mặt không? Sau đó V trả lời: Muốn T ra Đà Nẵng để mọi việc trao đổi giao dịch mua bán ma túy được nhanh gọn hơn. T nhắn tin lại: V hiểu cho T là được, vì K đang bị vợ quậy, kiểm soát nên không liên lạc được, khi T vừa thức dậy đã điện thoại cho K rồi, K hẹn 30 phút sau sẽ gặp T trao đổi.

T và K nhắn tin trao đổi với nội dung như sau:

+ Lúc 01 giờ 09 phút, ngày 02/01/2020 do K giữ số bột làm ma túy của T quá lâu mà không nói kết quả nên T nôn nóng nói K qua nhà bạn của K là Cường (không rõ lai lịch) lấy số bột ma túy về cho T để T tự đập ma túy. K trả lời: Hẹn sáng mai sẽ qua lấy về, giờ này điện thoại cho bạn mà không nghe máy, nói T ngủ đi cho đỡ mệt.

+ Lúc 12 giờ 42 phút ngày 02/01/2020, K nói T có đi ra thành phố Đà Nẵng cùng với K không để K biết, do V điện thoại hỏi thúc K nhiều quá. Sau đó K đã mang ma túy thuốc lắc đã đập và bột ma túy qua cho T, rồi cả hai ra Ga Sài Gòn mua vé tàu và đi ra thành phố Đà Nẵng. Lúc 14 giờ ngày 03/01/2020 thì đến Ga Đà Nẵng khi cả hai vừa xuống nhà ga T đang mang một túi sách đen bên trong có chứa 288 viên thuốc lắc, còn K đang mang valy màu đỏ bên trong chứa 02 lọ bột ma túy dùng để đập ra các viên thuốc lắc thì T bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện, bắt giữ, còn K bị mời về cơ quan làm việc. Quá trình điều tra T đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội; Lê Trần Duy V liên tục thay đổi lời khai, lúc nhận tội, lúc không nhận tội; Bùi Đức K không thừa nhận hành vi phạm tội của mình mà còn quanh co chối tội.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HS-ST ngày 03/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Hồng T (út), Bùi Đức K và Lê Trần Duy V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 39 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Xử phạt: Trần Thị Hồng T (út) tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/01/2020.

2. Căn cứ: Điểm h khoản 4, Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 39 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Xử phạt: Bùi Đức K tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 12/6/2020.

3. Căn cứ: Điểm h khoản 4, Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) Xử phạt: Lê Trần Duy V 20 năm tù.

4. Căn cứ: Điều 56 BLHS – Tổng hợp hình phạt tù của Bản án số 23/2020/HSPT ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử đã có hiệu lực pháp luật, buộc bị cáo Lê Trần Duy V phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 17/02/2020.

5. Về Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015

(sửa đổi, bổ sung 2017), Phạt tiền: Bị cáo Trần Thị Hồng T: 20.000.000 đồng, bị cáo Bùi Đức K 20.000.000 đồng và bị cáo Lê Trần Duy V 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

6. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

* Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng gồm:

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số imel 359311067751758 của Trần Thị Hồng T;

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số imel ghi tại vỏ điện thoại 013619002550400 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số sesi: 352877100674329 của Bùi Đức K.

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

01 (một) mẫu vật hoàn trả sau giám định số: 28/GĐ-MT ngày 10/01/2020 của Phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng; 05 (Năm) sim số: 0978791212; 0922229339; 0938378873; 0913516161; 0949262964; 10 (mười) thanh kim loại hình trụ tròn, có một đầu có các hình dạng khác nhau; 05 (năm) khuôn dập bằng kim loại hình trụ tròn có lỗ chính giữa với các hình dạng khác nhau; 01 (một) thanh sắt dài 11 cm có hai đầu dẹp; 08 (tám) thanh kim loại có chiều dài khác nhau, một đầu đều có mùi giữa, mài; 02 (hai) đế dập bằng kim loại hình trụ; 02 (hai) kìm bằng kim loại dài 1 lcm; 01 (một) túi xách màu đen và 01 (một) va ly màu đỏ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng.

* Trả lại cho bị cáo Trần Thị Hồng T: 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo màu trắng, số imel 1: 869039025809078, số imel 2: 869039025809060 do không liên quan đến việc phạm tội, nhưng tiếp tục quy trừ tạm giữ nhằm đảm bảo cho việc thi hành án; và 01 (một) chứng minh nhân dân số 025398019 cấp cho Trần Thị Hồng T.

(Hiện các vật chứng trên đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 01 năm 2020).

6. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 12/3/2021, Trần Thị Hồng T kháng cáo cho rằng hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xét giảm hình phạt cho bị cáo.

- Ngày 16/3/2021, Bùi Đức K kháng cáo cho rằng mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xét giảm hình phạt cho bị cáo.

- Ngày 17/3/2021, Lê Trần Duy V kháng cáo cho rằng mức hình phạt 20 năm mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Thị Hồng T thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm xác định nhưng cho rằng bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội vì hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn phải nuôi 3 con nhỏ nên mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt để bị cáo sớm trở về nuôi 3 con nhỏ.

- Bị cáo Bùi Đức K trình bày mẫu đơn kháng cáo in sẵn nên bị cáo điền vào và chỉ ghi xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không trao đổi, bàn bạc mua bán ma túy với T và V, nội dung các tin nhắn chỉ là hỏi thăm sức khỏe nhau, bị cáo ra Đà Nẵng chỉ là đi chơi cùng T do T rủ đi, khi xách hộ valy cho T không biết trong valy chứa ma túy nên bị cáo K không đồng phạm với T và V về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

- Bị cáo Lê Trần Duy V trình bày mẫu đơn kháng cáo in sẵn nên bị cáo điền vào và chỉ ghi xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay, V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thực tế V có hỏi T mua ma túy nhưng thấy lâu T không trả lời nên không mua nữa thì ngày 03/01/2020 T tự đem ma túy ra Đà Nẵng giao cho ai đó nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố V đồng phạm với T, K về hành vi mua bán trái phép chất ma túy là oan.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo T, K, V đồng phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng người, đúng tội không oan. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là không nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Về tội danh, khung hình phạt áp dụng:

[1] Đối với bị cáo Trần Thị Hồng T và bị cáo Lê Trần Duy V: Căn cứ sự việc lúc 14 giờ 10 ngày 03/01/2020 tại Ga xe lửa thành phố Đà Nẵng Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành lập *Biên bản bắt người phạm tội quả tang* (bút lục 12-18) đối với Trần Thị Hồng T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tạm giữ người liên quan là Bùi Đức K đi cùng và xách valy cho T, bên trong valy chứa ma túy, căn cứ lời khai nhận tội của T, nội dung các tin nhắn và lời khai nhận tội của V trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định T và V có hành vi phạm tội như sau:

[1.1]. Năm 2015 T yêu một đối tượng tên là T1 (*không rõ nhân thân lai lịch*), T1 đưa cho T một lượng bột ma túy và bộ dụng cụ dập bột ma túy thành viên nén (*thuốc lắc*), nhờ T giữ giúp nhưng lâu không thấy T1 xuất hiện, thông qua bạn bè T biết T1 bị Công an bắt về tội “*ma túy*” nên T tiếp tục giữ số bột ma túy và bộ dụng cụ dập ma túy thành viên nén với mục đích khi nào T1 quay lại lấy thì T sẽ giao. Cuối tháng 12/2019, K sau khi ra tù đã liên hệ với T và hỏi T còn giữ số bột ma túy và bộ dụng cụ dập viên nén (*thuốc lắc*) mà T1 nhờ cất giữ trước đây không thì T trả lời còn. K đề nghị T đưa toàn bộ số bột ma túy và bộ dụng cụ dập viên nén (*thuốc lắc*) cho K để K dập viên nén (*thuốc lắc*) mang bán, tiền chia đôi thì T đồng ý và đã chuyển giao toàn bộ lượng bột ma túy và bộ dụng cụ dập viên nén cho K để K

đem đi nơi khác đập viên nén tránh sự phát hiện của người dân nơi T sinh sống. Cũng trong khoảng thời gian này V là bạn của K (*quen biết nhau khi cả hai cùng chấp hành án tại Trại giam N, tỉnh Quảng Trị*) sau khi ra tù, V liên lạc với K hỏi mua ma túy thì K hẹn V vào Thành phố Hồ Chí Minh gặp trao đổi. Ngày 29/12/2019 V vào thành phố Hồ Chí Minh gặp K và T, K lái xe đưa V và T đến nhà bạn của K tên Cường (*không rõ địa chỉ*). Tại nhà Cường, K lấy ra một gói ma túy (*thuốc lắc*) cho V sử dụng thử, sau khi sử dụng thử V thấy ma túy chất lượng kém, nên nói với K và T muốn mua loại ma túy “*thuốc lắc*” chất lượng cao hơn, qua trao đổi K và T thống nhất sẽ làm ra các viên nén ma túy (*thuốc lắc*) chất lượng cao hơn để bán cho V nên V đồng ý mua và hẹn khi nào có hàng thì cả hai cùng mang ra Đà Nẵng bán cho V. Thỏa thuận, trao đổi xong việc mua bán ma túy thì ngày 30/12/2019 V về lại Đà Nẵng và liên tục điện thoại, nhắn tin hỏi thúc T và K đã làm được bao nhiêu viên nén ma túy “*thuốc lắc*” thì mang ra Đà Nẵng bán cho V. T khai mỗi viên nén ma túy (*thuốc lắc*) bán cho V giá 120.000đ đến 170.000 đồng và V nói đã chuẩn bị sẵn khoảng 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để mua ma túy của T và K mang từ thành phố Hồ Chí Minh ra Đà Nẵng bán cho V. Do V liên tục nhắn tin, điện thoại cho K và T hỏi đã làm được bao nhiêu viên nén (*thuốc lắc*), có kịp trong thời gian ngày 01/01/2020 không? đồng thời, các bị cáo còn nhắn tin, trao đổi nhiều nội dung trên điện thoại trong khoảng thời gian từ 22 giờ 48 phút ngày 31/12/2019 đến 12 giờ 42 phút ngày 02/01/2020 (*bút but lục 84-86*), vì vậy, sau khi K đập được 288 viên nén ma túy (*thuốc lắc*) thì mang đến nhà T cùng với bộ dụng cụ khuôn đập và số bột ma túy còn lại chưa làm đưa cho T. T bỏ 288 viên nén ma túy “*thuốc lắc*” vào một lọ nhựa rồi bỏ vào trong túi xách, còn bộ dụng cụ khuôn đập viên nén ma túy “*thuốc lắc*” và bột ma túy đựng trong lọ nhựa bỏ vào trong va ly, rồi cả hai đi xe honda “*Ôm*” cùng ra ga Sài Gòn mua vé tàu ra Đà Nẵng. Trên đường đi K có liên lạc với V để V đón K và T tại ga Đà Nẵng nhưng 14 giờ ngày 03/01/2020 khi T và K xuống ga Đà Nẵng thì bị Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang thu giữ tang vật.

[1.2]. Tại Kết luận giám định số 28/GĐ-MT ngày 10/01/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận toàn bộ 288 viên nén màu hồng, các chất bột màu xanh, màu xanh trộn lẫn với màu hồng thu giữ tại túi xách của bị cáo T và trong va ly màu đỏ K xách đi cùng T là ma túy loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine với tổng khối lượng 459,1gam.

[1.3]. Từ [1.1] và [1.2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của các bị cáo Trần Thị Hồng T và Lê Trần Duy V đủ các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo V cho rằng bị cáo V có nhắn tin hỏi T mua ma túy nhưng lâu không thấy T trả lời nên V không mua nữa, do đó ngày 03/01/2020 T tự đem ma túy ra Đà Nẵng để bán cho ai đó, không phải bán cho V nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định V đồng phạm với T trong vụ án này là “*oan*” cho V. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét lúc 14 giờ 29 phút ngày 02/01/2020 V nhắn tin giục, T hứa sẽ nhanh chóng đem ma túy ra Đà Nẵng giao cho V; đến 14 giờ ngày 03/01/2020 khi T và K vừa xuống ga Đà Nẵng thì bị Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang thu giữ ma

túy nên việc V kêu “*oan*” trong trường hợp này là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của Lê Trần Duy V đủ các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với vai trò đồng phạm với T, K là có căn cứ, đúng pháp luật, không “*oan*”.

[2] Đối với bị cáo Bùi Duy K không thừa nhận có hành vi trao đổi, thỏa thuận cùng với T làm ra các viên nén “*Thuốc lắc*” và đem từ thành phố Hồ Chí Minh ra Đà Nẵng bán cho bị cáo V. K cho rằng nội dung các tin nhắn, các cuộc hội thoại giữa K với V và T không phải trao đổi mua bán ma túy mà chỉ là thăm hỏi sức khỏe và V nhờ K mua bảo hiểm xe (*các bút lục từ 190- 200*), việc K đi cùng T ra Đà Nẵng là đi chơi theo lời mời của T, K xách valy hộ T mà không biết trong valy là ma túy, K không biết T mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, K cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là không đúng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo K đồng phạm với bị cáo T và V là kết tội “*oan*” cho K. Xét thấy: [2.1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, K thừa nhận quen T vào năm 2015 ngoài xã hội. Sau khi chấp hành xong án phạt tù, ra trại thì K liên lạc được với T và thỉnh thoảng gặp nhau, giữa K và T không có mâu thuẫn (*bút lục 182-183*). Ngày 29/12/2019, V vào thành phố Hồ Chí Minh gặp K và T, sau đó, cả ba sử dụng ma túy tại nhà bạn của K tên là Cường (*không rõ địa chỉ, lai lịch*) việc V biết T là do K giới thiệu; [2.2]. Xét, lời khai của bị cáo K phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của bị cáo T và bị cáo V thể hiện: Trước khi V liên lạc với K đặt vấn đề hỏi mua ma túy, thì ngày 27/12/2019 K đã chủ động đến gặp T và hỏi T còn giữ số bột ma túy và bộ dụng cụ khuôn dập ma túy thành viên nén “*thuốc lắc*” của T1 (*người yêu của T*) trước đây nhờ cất hộ không?, T nói còn thì lập tức K nói T giao số bột ma túy, cùng bộ dụng cụ khuôn dập cho K để K trực tiếp dập ra các viên nén ma túy “*thuốc lắc*” nhằm bán kiếm tiền chia đôi thì T đồng ý. Vì vậy, khi V điện thoại liên lạc với K hỏi mua ma túy thì K yêu cầu V vào Thành phố Hồ Chí Minh gặp nhau trao đổi. Tại thành phố Hồ Chí Minh, K là người giới thiệu V gặp T để cùng trao đổi với nhau về việc K và T sẽ làm ra các viên nén ma túy “*thuốc lắc*” có chất lượng tốt bán cho V, nên sau khi V về Đà Nẵng và liên tục điện thoại, nhắn tin hỏi thúc K và T đã làm được bao nhiêu viên nén “*thuốc lắc*” rồi thì mang ra cho V. Do đó, sau khi đã dập được 288 viên nén ma túy “*thuốc lắc*” K trực tiếp mang đến giao cho T cùng với số bột ma túy chưa dập còn lại và bộ dụng cụ khuôn dập cùng với T cất giấu vào các lọ nhựa bỏ vào túi xách và valy của T cùng nhau mua vé tàu ra Đà Nẵng để bán số ma túy viên nén “*thuốc lắc*” cho V theo yêu cầu, song khi cả hai vừa xuống ga tàu Đà Nẵng thì bị Công an bắt quả tang, thu tổng khối lượng ma túy Methamphetamine, MDMA, Ketamine là 459,1gam; việc K và T chưa giao được số ma túy viên nén “*thuốc lắc*” cho V nằm ngoài ý muốn chủ quan của K. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K khẳng định K và T không có mâu thuẫn; T xác định lại một lần nữa lời khai trước đây của mình là đúng sự thật và khẳng định K hoàn toàn biết và ly xách đi cùng T là ma túy; [2.3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy hình phạt đối với tội phạm về ma túy là rất nghiêm khắc, những kẻ phạm tội về ma túy biết rất rõ điều này nên khi nhắn tin, gọi điện thoại thường dùng ký hiệu hoặc “*nói lái*” nhằm che giấu tội nên việc K cho rằng những tin nhắn mà Cơ quan điều tra mất nhiều công thu thập (*các bút lục từ 190- 200*) không phải trao đổi mua bán ma

túy mà chỉ là thăm hỏi sức khỏe, V nhờ K “*mua bảo hiểm xe*” là tâm lý chối tội thường thấy của những kẻ phạm tội về ma túy. Xét, với các chứng cứ, tài liệu nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Bùi Duy K, Trần Thị Hồng T và Lê Trần Duy V đồng phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h, khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

Xét vai trò đồng phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo trong vụ án, thì thấy:

[3] Đối với bị cáo Bùi Văn K: K có vai trò chính trong vụ án đồng phạm “*Mua bán trái phép chất ma túy*” bởi vì sau khi ra tù (trước khi V liên lạc hỏi mua ma túy) thì ngày 27/12/2019 K là người “*khởi xướng*” khi chủ động đến gặp T, hỏi T còn giữ số bột ma túy và bộ dụng cụ khuôn dập ma túy thành viên nén “*thuốc lắc*” mà T1 (*người yêu của T trước đây*) nhờ cất hộ không? nếu còn thì đưa hết số bột ma túy và Bộ dụng cụ cho K để K “*sản xuất dập viên nén ma túy*” đem bán chia đôi tiền nên T đồng ý và giao toàn bộ bột và Bộ dụng cụ dập viên nén cho K. K là người đã “*sản xuất dập viên nén ma túy*” được 288 viên, K yêu cầu V vào thành phố Hồ Chí Minh và V vào thì K là người giới thiệu V gặp T và cả 3 trao đổi về việc sản xuất, mua bán ma túy. K trực tiếp đem 288 viên ma túy, lượng bột ma túy chưa dập và bộ dụng cụ khuôn dập đến nhà T và cùng T cất giấu vào các lọ nhựa, rồi bỏ vào túi xách và va ly để đem ra Đà Nẵng bán cho V. Xét, mặc dù bị bắt quả tang xách valy ma túy nhưng bị cáo K quanh co không nhận tội, bị cáo K đã có tiền án về tội “*Ma túy*” chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp “*Tái phạm*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, khối lượng ma túy bị thu giữ là tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo K hình phạt “*Tù chung thân*” là tương xứng với tính chất vụ án, vai trò đồng phạm của bị cáo K và tại phiên tòa hôm nay bị cáo K không xin giảm nhẹ hình phạt mà chỉ kêu “*oan*” nên cấp phúc thẩm giữ nguyên hình mức hình phạt “*Tù chung thân*” với bị cáo.

[4] Đối với bị cáo Trần Thị Hồng T: Như phân tích tại mục [3] nêu trên thì K là người “*khởi xướng*” khi chủ động đến gặp T, hỏi T còn giữ số bột ma túy và bộ dụng cụ khuôn dập ma túy thành viên nén “*thuốc lắc*” mà T1 (*người yêu của T trước đây*) nhờ cất hộ không? nếu còn thì đưa hết số bột ma túy và Bộ dụng cụ cho K để K “*sản xuất dập viên nén ma túy*” đem bán chia đôi tiền nên T đồng ý tham gia, như vậy, vai trò đồng phạm của bị cáo T là sau bị cáo K. Xét: [4.1]. Bị cáo K có vai trò chính trong vụ án, T với vai trò đồng phạm sau bị cáo K, T chưa có tiền án, tiền sự, thật thà khai báo, hoàn cảnh phải nuôi 3 con còn nhỏ nên mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt T là có phần nghiêm khắc hơn so với bị cáo K; [4.2]. Hơn nữa, đây là vụ án truy xét, nhờ có sự thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với Cơ quan Điều tra của bị cáo T ngay từ khi bị bắt nên Cơ quan Điều tra mới có cơ sở để đấu tranh, truy xét buộc bị cáo Lê Trần Duy V thừa nhận có trao đổi, bàn bạc hỏi mua ma túy của T và K; còn đối với Bùi Duy K, tuy ngoan cố không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ lời khai thành khẩn của T phù hợp thời gian, ký ám hiệu trong nội dung các tin nhắn và việc bắt quả tang K xách valy

ma túy đi cùng T thì mới đủ cơ sở kết luận K có hành vi đồng phạm “*Mua bán trái phép chất ma túy*” cùng với T và V; như vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*”; [4.3]. Vì những lý do trên, cấp phúc thẩm xét thấy do bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ, để tương xứng với hình phạt tù chung thân áp dụng đối với bị cáo K và thể hiện sự khuyến khích, khoan hồng của pháp luật đối với người thật thà khai báo, ăn năn hối cải, có công tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra nên xử phạt bị cáo T hình phạt tù có thời hạn.

[5] Đối với bị cáo Lê Trần Duy V: V là người liên lạc hỏi K mua ma túy, thông qua K bị cáo V mới biết T. Ngày 29/12/2019 bị cáo V vào thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của K, sau khi gặp nhau tại nhà đối tượng tên Cường bạn của K (*không rõ địa chỉ*) ở thành phố Hồ Chí Minh, tại đây V được K cho sử dụng thử ma túy nhưng thấy chất lượng ma túy không tốt nên V yêu cầu T và K làm ra những viên nén ma túy “*thuốc lắc*” chất lượng tốt hơn bán cho V. Sau khi về lại Đà Nẵng, V liên tục điện thoại, nhắn tin cho T và K hỏi đã làm được bao nhiêu viên nén “*thuốc lắc*” thì mang ra Đà Nẵng bán cho V. K và T đem theo 288 viên nén “*thuốc lắc*” ra Đà Nẵng bán cho V thì bị bắt quả tang, như vậy, việc V chưa mua được số lượng viên nén “*thuốc lắc*” nằm ngoài ý muốn chủ quan của V. V phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số lượng 288 viên nén ma túy “*thuốc lắc*” có khối lượng 103, 89 gam mà T và K dự định bán cho V, khối lượng ma túy V hỏi mua này thuộc trường hợp phạm tội theo tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo V đã có tiền án 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do khối lượng viên nén ma túy “*thuốc lắc*” bị cáo V mua ít hơn khối lượng ma túy mà T và K đồng phạm và V phạm tội chưa đạt nên mức hình phạt 20 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt V đối với hành vi phạm tội trong vụ án này là phù hợp. Ngoài hình phạt của bản án này, bị cáo V còn phải chấp hành hình phạt “*tù chung thân*” của Bản án hình sự phúc thẩm số 23/2020/HSPT ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 Bản án, buộc bị cáo V chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là Tù chung thân là đúng pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo Trần Thị Hồng T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Bùi Đức K, Lê Trần Duy V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Hồng T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số

12/2021/HS-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo T như sau:

1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt: Trần Thị Hồng T (Út) **“20 (hai mươi năm) tù”** về tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Duy K, Lê Trần Duy V, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HS-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với K và V như sau:

2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 39 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt: Bùi Đức K **“Tù chung thân”** về tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/6/2020.

3. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt: Lê Trần Duy V 20 năm tù về tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”**. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt Tù chung thân tại Bản án hình sự phúc thẩm số 23/2020/HSPT ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, buộc Lê Trần Duy V phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **“Tù chung thân”**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/02/2020.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Bùi Đức K, Lê Trần Duy V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Trần Thị Hồng T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn, thuộc CA TP Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân